

LỜI NGƯỜI DỊCH

Hai bộ bản đồ cổ *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* và *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* vốn nằm trong một bộ sưu tập bản đồ cổ gộp chung trong bộ sách có tên là *Hồng Đức bản đồ* mà hiện nay Viện Nghiên cứu Hán Nôm đang lưu giữ với ký hiệu A.2499. Ở Nhật Bản, tại Đông Dương văn khố Tokyo cũng bảo tồn một quyển *Hồng Đức bản đồ* mang ký hiệu X-2-24.⁽¹⁾

Tại Sài Gòn, năm 1962 Bộ Quốc gia Giáo dục đã xuất bản bộ *Hồng Đức bản đồ* thuộc Tủ sách Viện Khảo cổ, do Trương Bửu Lâm giới thiệu và các ông Bửu Cầm, Đỗ Văn Anh, Phạm Huy Thúy, Tạ Quang Phát dịch. Sách đã in các bản đồ theo vi ảnh (microfilm) của Đông Dương văn khố Tokyo, vi ảnh ấy là một âm bản (đường nét và chữ viết trở trắng trên nền đen).

Nhận thấy rằng trong sưu tập *Hồng Đức bản đồ*, hai bộ bản đồ *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* và *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* liên quan trực tiếp đến vùng đất Đàng Trong xưa, nay là vùng đất Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ, nên chúng tôi dịch chú và công bố lại hai bộ bản đồ này. Mặt khác là để đính chính những sai lầm, ngộ nhận trong bản dịch nói trên, giúp cho việc nghiên cứu tốt hơn.

I. Tác giả

1. Tác giả của *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*

Trong lời dẫn của sách này, tác giả đã ghi rõ là: “*Thanh Giang, Bích Triều Nho sinh trúng thức Đỗ Bá thị Công Đạo phủ soạn*”, nhưng các dịch giả của *Hồng Đức bản đồ* năm 1962 đã không tra cứu được. Mãi đến năm 1990, với công trình sưu tầm và dịch “*Gia phả họ Đỗ (Đậu) thôn Cẩm Nang, xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An*” của PGS, TS Trần Bá Chí, đặc

biệt là bài viết “*Đỗ Bá Công Đạo với bản đồ Bãi Cát Vàng (Hoàng Sa)*” [Tạp chí *Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, tháng 3/1990, trang 27] của ông mới làm sáng tỏ về tác giả của *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*.

Theo PGS, TS Nguyễn Quang Ngọc (bài đã dẫn) thì: “Sách *Thanh Chương huyện chí* xác nhận: Đỗ Công Luận (tên chữ là Công Đạo), người thôn Cẩm Nang, xã Bích Triều, huyện Thanh Chương (nay là thôn Cẩm Nang, xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An). Gia phả họ Đỗ (mà dân địa phương thường gọi là họ Đậu) ở thôn Cẩm Nang cho biết: Đỗ Công Luận (hay Công Đạo) chính là người vẽ bản đồ và ghi lại lộ đồ cho chúa Trịnh, phù hợp với các thông tin trong *Toản tập An Nam lộ* ⁽²⁾ “*Họ ta xưa có Đậu Bá tự Công Luận hoặc Công Đạo tuổi trẻ đã đậu Hương giải, triều đình gia ân cho làm Giám sinh, nhưng ông không thích (không đến học). Ông lại là ám tử, nên cho làm Tri huyện huyện Thạch Hà, ông cũng không muốn làm quan. Ông thường than rằng đất ta liên cỗi Chiêm Thành, trước kia hàng năm bị xâm lấn, có lần giặc giả vào chợ Phuống giết người cướp của thậm khổ. Vào khoảng thời Chính Hòa (1680-1705), ông từ quan, giả dạng người buôn, xuôi sông Lam, vượt Thuận Quảng, qua Chiêm Lạp và các nước, xem xét sông núi, đường biển xa gần, vẽ bản đồ mang ra Bắc, hiến kế mở biên giới vào phía nam. Chúa Trịnh (Trịnh Căn) rất vui mừng, đưa bản đồ cất vào kho. Lại yêu cầu ông soạn về cho bộ Tứ chí lộ đồ”.*

Căn cứ vào ghi chép trong *Toản tập An Nam lộ* với niên đại Chính Hòa thất niên (1686), có thể khẳng

¹ Theo PGS, TS Nguyễn Quang Ngọc, “Bản đồ Bãi Cát Vàng của Đỗ Bá và những tư liệu đầu tiên chép về đội Hoàng Sa”, infovietnam.files.wordpress.com/2010/01/4-baicatvang.pdf

² Một truyền bản khác của *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*.

định được rằng tác giả của *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* là Đỗ Bá Công Đạo, người thôn Cẩm Nang, làng Bích Triều, huyện Thanh Chương, trấn Nghệ An vẽ và ghi chú vào năm 1686.

2. Tác giả của *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ*

Mặc dù trong bản đồ đã có ghi “Đốc suất Đoan quận công họa tiền”, nhưng do hiểu nhầm Đoan quận công ở đây là Nguyễn Hoàng nên dịch giả Trương Bửu Lâm đã bản khoả, lý giải khó khăn.

Thật ra, Đốc suất là chức vụ từ tháng 8 năm 1774 và Đoan quận công là tước phong từ tháng 6 năm 1766 của Bình Nam Phó tướng Bùi Thế Đạt. Từ cứ liệu được ghi trong *Đại Việt sử ký tục biên* (1676-1789) có thể thấy rõ hành trạng của ông như sau:

Bùi Thế Đạt người làng Tiên Lý, tổng Vạn Phần, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, trấn Nghệ An, xuất thân trong một gia đình võ quan, ông nội được phong chức Điện tiền Đô hiệu điểm, thân phụ được phong Đặc tấn phụ quốc Thượng tướng quân Cao Đại hầu. Đầu đời Cảnh Hưng ông được tập ấm giữ binh quyền.

Năm 1748 ông giữ chức Đô đốc, tước Đoan Nghiêm hầu, được cử đem quân đi tiếp ứng chống giặc ở trấn Kinh Bắc.

Tháng 4 năm 1749 cùng với Hoàng Ngũ Phúc, được bổ quản suất hai cơ Nhất Dũng, Nhị Dũng vừa thành lập ở Kinh Bắc. Năm 1750, ông lại được bổ làm Lưu thủ Thái Nguyên. Tháng 2 năm 1750 được thăng làm Tả tướng quân, ban cho cờ và ấn. Tháng 3 năm 1751, ông đánh thắng Nguyễn Danh Phương, được thưởng 1 bài vàng, 2 bài bạc. Tháng 11 năm 1751 lại được thăng làm Đốc trấn Sơn Tây, Hưng Hóa, chỉ huy truy tiêu giặc ở vùng núi Sơn Tây, Hưng Hóa.

Tháng 6 năm 1763, do Lê Duy Mật đánh úp Trấn Ninh, Cao Châu và cướp phá hai phủ Quỳnh Châu, Trà Lân, dân tình náo động, ông được thuyền chuyển về làm Đốc trấn Nghệ An. Ba năm sau, ông được thăng hàm Thái bảo, tước Đoan quận công, giữ chức Trấn thủ Nghệ An kiêm Đốc suất châu Bố Chính, thống lĩnh đạo Nghệ An, mang ấn Thảo tặc Đại tướng quân, cho được tiện nghi thi hành việc quân tại đây. Tháng 9 năm 1767, lại được ban cho một thanh gươm vàng, một đạo sắc và các tờ lệnh để trống (khống chỉ) và thẻ bạc, bài vàng để làm việc quân. Công việc đánh dẹp Lê Duy Mật mãi đến tháng 2 năm 1770 mới thành tựu.

Tháng 7 năm 1770, triều đình bàn công dẹp giặc, Bùi Thế Đạt được thưởng chức 22 “thứ”,⁽³⁾ thăng Đại tư mã, thêm 2 chữ “công thần” khắc vào bài vàng đem cho.

Tháng 6 năm 1773, nhận được tin rối loạn ở Đàng Trong do Nguyễn Văn Nhạc dấy quân chiếm phủ Quy Nhơn, áp sát Hải Vân, Đại tư mã Đoan quận công Bùi Thế Đạt đã dâng khải báo tin về phủ chúa. Chúa Trịnh Sâm đã sai Đại tư đồ Chương phủ sự Việc quận công Hoàng Ngũ Phúc (62 tuổi, đang xin cáo lão) lưu lại làm Bình Nam Thượng tướng quân, thống suất tướng sĩ các cơ hiệu đội của 23 dinh tiến vào Nghệ An.

Ngày 19 tháng 7 năm 1774, Hoàng Ngũ Phúc đến Nghệ An cùng với Bùi Thế Đạt bàn sai người bí mật lên vào châu Bố Chính và đi tiếp vào Nam thăm dò tình hình.

Tháng 8 năm 1774, chúa Trịnh cử Bùi Thế Đạt kiêm chức Đốc suất, làm phó tướng cho Hoàng Ngũ Phúc để cùng hoạch định việc quân.

³ Một hình thức thăng thưởng cao. Thưởng thấp nhất là từ 1 thứ đến 2, 3 thứ.

Ngày 5 tháng 10 năm 1774, đại quân đến dinh Bố Chính, được chúa Nguyễn sai người đem lễ vật trâu, rượu, nếp khao quân.

Ngày 21 tháng 10, đại quân vượt sông Gianh.

Ngày 7 tháng 11, Hoàng Ngũ Phúc đến dinh Trạm (tức dinh Quảng Bình).

Ngày 2 tháng 12, đại quân đến Lương Phước (về sau là làng Lương Điền) ở bờ bắc sông Mỹ Chánh.

Ngày 01 tháng 2 năm 1775, Hoàng Ngũ Phúc vào thành Phú Xuân. Mấy ngày sau Hoàng Ngũ Phúc lưu Bùi Thế Đạt giữ thành Phú Xuân, còn đại quân vượt Hải Vân tiến vào Quảng Nam. Chúa Trịnh lại sai Bùi Thế Đạt cho người bí mật đi dò la tin tức chúa Nguyễn cùng Nguyễn Văn Nhạc và vẽ địa hình vùng Tây Sơn và Gia Định. Tại Phú Xuân, với chức trách Trấn thủ, ông đã sai quan quân đánh dẹp các vụ nổi dậy ở Hải Lăng, Cam Lộ và cho đúc tiền, ổn định việc cai trị. Tuy nhiên, chúa Trịnh Sâm đã nhận định về ông như sau: “Doan quận công nhiều ơn hơn uy, khi gặp việc hơi chậm chạp, khó làm việc một mình”. Chính vì thế mà đến ngày 23/9/1776, chúa đã triệu Bùi Thế Đạt, cùng với Lê Quý Đôn, Tham thị Thuận Hóa và Phan Lê Phiên, Hiệp hành Trấn phủ⁽⁴⁾ Thuận Hóa về kinh. Và cử Trấn thủ Sơn Nam là Tào Cơ hầu Phạm Ngô Cầu làm Bình Nam Đại tướng quân, kiêm lĩnh Trấn phủ Thuận Hóa và các quan chức khác thay thế.

Sau khi trở về Thăng Long, ông xin về trí sĩ. Con trai ông là Bùi Thế Toại, đỗ Tào sĩ (Tiến sĩ võ) được bổ làm Trấn thủ Nghệ An. Đến ngày mùng 8 tháng Giêng năm Tân Sửu (1781) ông qua đời. Vua ban tên thụy là Trung Thuần, phong làm phúc thần, gia tặng là Đức Lượng Du Liệt Khuông Vận Dụ Khánh Hòa Giải Trang Túc Nhân Nghị Đại Vương. Sai quan chủ tế và sai sở tại

dựng đền để thờ phụng. Phế tích phần mộ của ông hiện còn tại thôn Trung Yên, xã Diên Ngọc, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An, có đủ tượng voi ngựa và quan hầu.

Giáp Ngọ niên bình Nam đồ gồm 14 bản đồ vẽ địa thế, đường sá, cửa biển từ dinh Đồng Hới cho đến cực nam Đàng Trong tiếp giáp với Cao Miên. Trong đó 5 bản đồ đầu vẽ khá chi tiết, ghi khá đầy đủ địa danh, 9 bản đồ còn lại vẽ sơ lược hơn. Các bản đồ này có thể được vẽ từ năm 1774 đến 1775, từ khi khởi đầu chiến dịch đánh Đàng Trong cho đến khi Bùi Thế Đạt làm Trấn thủ Phú Xuân.

II. Giá trị của hai tập bản đồ cổ

Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư và *Giáp Ngọ niên Bình Nam đồ* là hai bộ bản đồ sớm nhất nhì về vùng đất miền Trung có vẽ sơ lược về đường sá, sông ngòi, cửa biển, hải đảo, núi non và một số làng xã, chợ búa nổi tiếng thời bấy giờ, ghi chép các đồn lũy, đồn hỏa hiệu, việc bố phòng các đơn vị thủy binh, bộ binh của chúa Nguyễn, các dinh phủ, lý sở các phủ huyện. Đặc biệt là kê rõ về lộ trình thủy bộ, thời gian, nơi ăn, nơi nghỉ.

Trong đó nổi bật là *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, do Đỗ Bá Công Đạo vẽ và ghi chú năm 1686, đến nay vẫn là **tác phẩm đầu tiên của người Việt khảo chú về Hoàng Sa**, từ không gian phân bố, sự nguy hiểm cho tàu thuyền đi ngang qua, sự vùi lấp, trầm tích các hàng hóa và vàng bạc, kim loại, súng đạn của những chiếc tàu bị vỡ, và việc khai thác, thu lượm các hóa vật này của đội thuyền Hoàng Sa 18 chiếc từ tháng Chạp mỗi năm, phục vụ cho nhu cầu của chúa Nguyễn. Điều này khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa từ giữa thế kỷ XVII.

⁴ Trấn phủ là chức trách trấn giữ và phủ dụ võ về.

Việc biên soạn hai bộ bản đồ này trước hết nhằm phục vụ nhu cầu quân sự: tiến đánh Nam Hà, nên các mục tiêu quân sự, hành chánh, việc bố phòng binh lính được ghi chú kỹ từng phiên hiệu và số quân, như bản đồ số 9, 10 về vùng Quảng Bình của Đỗ Bá Công Đạo, bản đồ số 1, 2, 3 của Bùi Thế Đạt.

- Bản đồ số 9 vẽ các lũy: lũy Lỗi, lũy Lung Gió, lũy Mũi Dao, lũy Con Bò ở bờ bắc sông Gianh bên kia cửa biển Di Luân.

- Bản đồ số 10 vẽ hệ thống phòng thủ ở bờ bắc sông Nhật Lệ, mà bản đồ số 1 của Bùi Thế Đạt đã vẽ lại và ghi rõ tên các lũy từ núi Đâu Mâu trở xuống cửa Nhật Lệ, theo thứ tự là vực Ông Hôi, lũy Đội, lũy Đồn Vồng, lũy Sa Đồi, lũy Chính Thủy, lũy Đồng Hới, và ở bờ nam phía cửa biển là lũy Mũi Chùy.

- Bản đồ số 3 của Bùi Thế Đạt ghi rõ làng Phú Xuân, phủ chính, dinh trưởng tử, các cơ bộ binh, bên kia Sông Hương ở thượng lưu là phủ Tập Tượng, kho thóc, trường đúc súng... Bản đồ này đã ghi chú lý sở các huyện Phú Vang (làng Dưỡng Mông), huyện Quảng Điền (làng Chợ Cầu tức Đan Lương), huyện Hương Trà và phủ tri Triệu Phong (đều ở làng Cổ Linh tức Địa Linh).

Cứ như thế cho đến tận cửa Nha Trang (*Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*), cửa Mỹ Tho và cửa Cao Miên (*Giáp Ngọ niên bình Nam đồ*).

Nhìn chung, hai tập bản đồ này đã cung cấp các cứ liệu quan trọng về lịch sử, địa dư, được các tác giả viết địa chí về sau như Lê Quý Đôn với *Phủ biên tạp lục*, Lê Đản với *Nam Hà tiệp lục*... kế thừa.

Các bản đồ trong tập này được chúng tôi quét lại từ bản in của Viện Khảo cổ Sài Gòn năm 1962. Trong khi phiên dịch, chúng tôi bám sát nguyên văn chữ Hán,

đặc biệt là các địa danh được ghi bằng chữ Nôm để chuyển ngữ xác đáng. Sự hiểu biết về các địa danh ở miền Trung đã giúp chúng tôi phục hồi đúng âm đọc khoảng 70 chữ mà bản dịch năm 1962 của Viện Khảo cổ Sài Gòn ghi âm sai. Tiêu biểu như:

- *Lỗi phiên âm sai vì tưởng là chữ Hán:*

Cầu Nghèn phiên âm sai là Cầu Ngạn.

Cồn Tiên phiên âm sai là Quần Tiên.

Trương Sen phiên âm sai là Trương Liên.

Chợ Cầu phiên âm sai là Thị Vĩnh.

Bến Ván phiên âm sai là Bến Bản.

Mũi Nại phiên âm sai là Mỗi Nại.

Mũi Ròn phiên âm sai là Mỗi Luân.

- *Lỗi nhận lầm mặt chữ vì tự dạng gần gũi:*

Khương Hà phiên âm là Mỹ Hà.

Hỉ Duyệt phiên âm là Gia Duyệt.

Kẻ Tréo phiên âm là Cửa Trạo.

Bàn Lãnh phiên âm là Phiên Dục.

Thủy Cam phiên âm là Thủy Tĩnh.

Phù Bài phiên âm là Đỗ Bài, Thu Bài v.v...

Mặt khác, chúng tôi đã cố gắng chú thích trong phạm vi hiểu biết của mình, các địa danh vùng Bình Trị Thiên, Nam Ngãi được chú nhiều hơn, còn địa danh các vùng khác chưa có cứ liệu nên ít chú thích hơn.

Mong ước rằng lần công bố này sẽ giúp cho người đọc, đặc biệt vùng miền Trung nhận thức rõ hơn về đất nước, sự kiện nơi đây, và việc sử dụng hai bộ bản đồ này có hiệu quả hơn, phát huy được thành quả phác thảo, ghi chép đầy tâm huyết của người xưa.

Tran Nai Vinh